

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc thành lập Ban Quản lý dự án “Quản lý rừng bền vững
và bảo tồn đa dạng sinh học” tỉnh Thanh Hóa**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15/11/2017;

Căn cứ Nghị định số 56/2020/NĐ-CP ngày 25/5/2020 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài;

Căn cứ Quyết định số 1689/QĐ-BNN-HTQT ngày 22/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt Văn kiện dự án hỗ trợ kỹ thuật “Quản lý rừng bền vững và bảo tồn đa dạng sinh học (VFBC)” do Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ (USAID) tài trợ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Công văn số 1427/SNV-TCBC ngày 18/6/2021 (kèm theo ý kiến tham gia của Sở Tài chính tại Công văn số 3450/STC-ĐT ngày 16/6/2021; của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 4037/SKHĐT-KTNN ngày 16/6/2021; của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Công văn số 2537/SNN&PTNT-TCCB ngày 16/6/2021).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Ban Quản lý dự án “Quản lý rừng bền vững và bảo tồn đa dạng sinh học” tỉnh Thanh Hóa (viết tắt là Ban Quản lý dự án VFBC), trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Thanh Hóa.

1. Ban Quản lý dự án VFBC có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và Ngân hàng thương mại để thực hiện dự án.

2. Trụ sở của Ban Quản lý dự án VFBC đặt tại Trung tâm Khuyến nông Thanh Hoá, số 23, đường Phan Bội Châu, phường Ba Đình, thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hóa.

Điều 2. Nhiệm vụ của Ban Quản lý dự án VFBC

1. Chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc điều phối chung, quản lý thực hiện các

hoạt động dự án trên địa bàn tỉnh theo mục tiêu dự án, tuân thủ các quy định của Nhà tài trợ (USAID) và quy định của pháp luật Việt Nam.

2. Phối hợp với Ban Quản lý dự án Trung ương (CPMU) thuộc Ban Quản lý các dự án lâm nghiệp, Văn phòng dự án Trung ương xây dựng kế hoạch hoạt động hàng năm, trình cấp thẩm quyền phê duyệt; cập nhật tiến độ, kết quả thực hiện kế hoạch theo quý, hàng tháng trên địa bàn tỉnh; báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

3. Phối hợp, tham gia cùng Văn phòng dự án Trung ương trong xây dựng điều khoản tham chiếu (TOR) cho các hoạt động có liên quan; chấp hành thực hiện quy trình lựa chọn nhà thầu tư vấn theo quy định.

4. Kiểm tra, đôn đốc, giám sát các nhà thầu, tư vấn thực hiện các hoạt động dự án tại tỉnh đảm bảo chất lượng, hiệu quả và tuân thủ các quy định của pháp luật. Đánh giá khối lượng và chất lượng các công việc hoàn thành; nghiệm thu sản phẩm hoàn thành. Tiếp nhận, bàn giao sản phẩm hoàn thành của nhà thầu, tư vấn, báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, áp dụng, sử dụng trên địa bàn tỉnh.

5. Phối hợp với Văn phòng dự án Trung ương tổ chức các hội nghị, hội thảo, tập huấn, đào tạo tại tỉnh, báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ban quản lý dự án Trung ương và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện.

6. Giám sát, hỗ trợ và tạo điều kiện để các chuyên gia tư vấn Quốc tế và trong nước làm việc trên địa bàn tỉnh theo mục tiêu của dự án và quy định của pháp luật về người nước ngoài làm việc tại Việt Nam.

7. Chủ trì, xây dựng kế hoạch tổng thể và hàng năm về vốn đối ứng của tỉnh (vốn đối ứng và giá trị viện trợ), báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt.

8. Tiếp nhận, xác nhận giá trị viện trợ bằng hàng (giá trị tài sản, trang thiết bị được viện trợ) từ các nhà thầu cho Ban Quản lý dự án tỉnh.

9. Lập báo cáo quyết toán năm, quyết toán vốn đối ứng và giá trị viện trợ; báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

10. Tổng hợp số liệu quyết toán dự án và phương án xử lý tài sản; báo cáo Ban quản lý các dự án Lâm nghiệp thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

11. Sau khi dự án kết thúc, báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để phối hợp với Sở Tài chính tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phương án xử lý tài sản của Ban Quản lý dự án tỉnh; báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Tài chính theo quy định của Nghị định 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ.

12. Định kỳ hàng quý, 6 tháng, năm, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ quan có liên quan kết quả thực hiện dự án.

13. Lập báo cáo tiến độ, báo cáo tài chính vốn đối ứng và các báo cáo khác có liên quan, gửi Ban Quản lý dự án Trung ương tổng hợp theo quy định.

14. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Quản lý dự án theo quy định tại Điều 38, Nghị định số 56/2020/NĐ-CP ngày 25/5/2020 của Chính phủ và các nhiệm vụ khác được cấp có thẩm quyền giao, thuộc phạm vi hoạt động của dự án trên địa bàn tỉnh.

Điều 3. Cơ cấu tổ chức Ban quản lý dự án VFBC

1. Ban Quản lý dự án VFBC có Giám đốc, 01 Phó Giám đốc và các thành viên làm việc kiêm nhiệm hoặc chuyên trách; gồm: Điều phối viên, phụ trách kế toán, kế toán dự án, nhân viên hành chính, cán bộ phụ trách tiểu hợp phần, lái xe... do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định.

2. Các thành viên Ban Quản lý dự án VFBC được hưởng lương và phụ cấp quản lý dự án theo quy định hiện hành.

3. Giám đốc Ban Quản lý dự án VFBC xây dựng Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Quản lý dự án tỉnh, gửi Sở Nội vụ thẩm định, trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt để tổ chức thực hiện.

4. Chủ tịch UBND tỉnh quyết định bổ nhiệm Giám đốc, Phó Giám đốc Ban Quản lý dự án tỉnh; phê duyệt đề cương nhiệm vụ cụ thể của vị trí việc làm và số lượng thành viên Ban Quản lý dự án tỉnh trên cơ sở đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Nội vụ.

Điều 4. Kinh phí hoạt động của Ban Quản lý dự án VFBC từ vốn đối ứng của tỉnh sử dụng cho các nội dung, nhiệm vụ theo quy định tại khoản 2, Điều 43, Nghị định 56/2020/NĐ-CP ngày 25/5/2020 và nội dung quy định tại văn kiện dự án do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt.

Điều 5. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Nội vụ, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5, QĐ;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- BQL các dự án Lâm nghiệp, Bộ NN&PTNT;
- Lưu: VT, NN.

(MC41.06.21)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đỗ Minh Tuấn